TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số:**02**/2019/HNGĐ-ST*
Ngày:17 /01/2019
"V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung.

2. Ông Ngô Đình Tưu.

Thư ký Toà án: Ông Phạm Xuân Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vinh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1970.

Trú tại: xóm Y, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện D, Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2018 và lời khai tại bản khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương. Tuy nhiên hai người chỉ tổ chức đám cưới mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và đến nay hai vợ chồng cũng chưa đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 03 con chung nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bên cạnh đó, anh N còn có hành vi đánh đập chị nhiều lần làm cuộc sống trong gia đình luôn căng thẳng không có hạnh phúc. Mọi công việc trong nhà đều do chị gánh vác, lo lắng. Anh N không quan tâm giúp đỡ được gì còn đánh đập trách móc chị. Mâu thuẫn chị có trao đổi để hòa giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng thêm. Đến nay hai người đã sống ly thân không còn đi lại quan tâm, chăm sóc nhau. Nay giữa hai người không thể chung sống, do không đăng ký kết hôn theo thẩm

quyền nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu không công nhận chị và anh Nguyễn Đức N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị P và anh Nguyễn Đức N có ba con chung Nguyễn Đức V, sinh ngày 02/7/1993; Nguyễn Đức H, sinh ngày 14/10/1995 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 29/7/2003 hiện cháu V và cháu H đã lớn, trưởng thành lao động bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn cháu D hiện đang ở cùng chị, nay không công nhận là vợ chồng chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu D và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh N và chị Trần Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng hai bên chỉ làm cưới hỏi theo phong tục địa phương mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2003 hai bên cũng không làm đăng ký kết hôn với nhau, quá trình chung sống hai người đã có với nhau 03 con chung. Chung sống đến năm 2015 thì hai người phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hợp tính tình, hay bất hòa trong quan điểm sống dẫn đến xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn hai người đã bàn bạc, trao đổi nhưng không có kết quả. Đến nay hai người sống ly thân không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị P làm đơn yêu cầu không công nhận anh và chị Trần Thị P là vợ chồng anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị Trần Thị P có với nhau 03 con chung Nguyễn Đức V, sinh ngày 02/7/1993; Nguyễn Đức H, sinh ngày 14/10/1995 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 29/7/2003 hiện cháu V và cháu H đã lớn, trưởng thành lao động bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn cháu D hiện đang ở cùng chị P, nay không công nhận là vợ chồng chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu D và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị anh cũng nhất trí.

- Về tài sản: Anh và chị P tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P, Không công nhận chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đức N là vợ chồng. Về con chung: Hiện cháu V và cháu Hạnh đã lớn, trưởng thành lao động bình thường

không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Cần chấp nhận thỏa thuận của chị P, anh N giao con chung Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 29/7/2003 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đức N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn ý kiến trình bày của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn có bản khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án.Tòa án đã tiến hành các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, chị P, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt do đó cần áp dụng khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh N.

[3] Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đức N chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, bình thường và có với nhau 03 người con chung. Nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng trong quan điểm sống nên hay xúc phạm đánh đập nhau. Đến nay hai người sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Tại thời điểm chung sống chị P, anh N đều đủ tuổi kết hôn theo quy định nhưng cả hai không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhà nước đã có thời hạn đăng ký kết hôn gia hạn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày luật hôn nhân gia đình 2000 có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003 chị P, anh N vẫn không đăng ký kết hôn. Do vậy, mặc dù chị P, anh N có thời gian dài chung sống và có con chung nhưng căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cáo, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình thì không xác định chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đức N là vợ chồng.

Nay chị Trần Thị P yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn không công nhận anh Nguyễn Đức N và chị là vợ chồng là có căn cứ. Cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung gồm: Nguyễn Đức V, sinh ngày 02/7/1993; Nguyễn Đức H, sinh ngày 14/10/1995 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 29/7/2003. Cháu V và cháu H hiện đã thành niên, khỏe mạnh lao động bình thường có thể tự quyết định cuộc sống nên không xem xét. Con chung Nguyễn Thị Bích D nay không công nhận vợ chồng, chị P, anh N đều thống nhất giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nên cần chấp nhận thỏa thuận của chị P, anh N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N.

[5] Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 8 Điều 28, Các Điều 143, 147 và khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liện tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC -BTP ngày 06/01/2016 của tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cáo, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đức N là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 29/7/2003 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N cho đến khi chị P có yêu cầu. Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản quyền này. Các con chung Nguyễn Đức V, sinh ngày 02/7/1993; Nguyễn Đức H, sinh ngày 14/10/1995 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản*: Không xem xét giải quyết.

- *Án phí*: Buộc Chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào khoản tiền dự phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên

lai số 0000746 ngày 27/89/2018. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị P, bị đơn anh Nguyễn Đức N vắng mặt có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Diễn Châu.
- Chi cục thi hành án.
- UBND xã N, H. D.
- Các đương sự.
- Lưu sồ sơ;
- Lưu VP/TA.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hoàng Minh Phương **Nguyễn Thị Dung** **Nguyễn Quang Trung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Diễn Châu.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ an
- Chi cục thi hành án.
- UBND phường Quán Bàu, TP Vinh.
- Các đương sự.
- Lưu sồ sơ;
- Lưu VP/TA.